

Về bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 14-9-1958 và vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam

Nguyễn Bá Điển*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 10 năm 2011

Tóm tắt. Dựa trên cơ sở của quan hệ lịch sử Việt Nam - Trung Quốc và các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế, đặc biệt dựa trên nguyên tắc Estoppel, bài viết đã đưa ra các luận cứ khoa học bác bỏ những luận điểm sai trái của phía Trung Quốc và cho rằng, bức thư ngày 14 tháng 9 năm 1958 của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng không phải là sự từ bỏ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mà hoàn toàn chỉ là sự thể hiện tình đoàn kết và hữu nghị với nhân dân Trung Quốc vào thời điểm lịch sử lúc bấy giờ: Mỹ đe dọa tấn công Trung Quốc ở eo biển Đài Loan và quan hệ đồng minh chiến lược Việt Nam - Trung Quốc. Vì vậy, việc lợi dụng bức thư của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng nhằm biện minh cho những tham vọng chủ quyền của nước ngoài đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nhất định sẽ bị phá sản dưới ánh sáng của luật pháp và công luận quốc tế.

Ngày 17 tháng 11 năm 2000, Bộ Ngoại giao Trung Quốc phát đi bản tin với tên gọi là “Sự thừa nhận của quốc tế về chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo Trường Sa” trong đó có nội dung: “... b) Báo Nhân Dân của Việt Nam đã tường thuật rất chi tiết trong số xuất bản ngày 6/9/1958 về Bản Tuyên bố ngày 4/9/1958 của Nhà nước Trung Quốc, rằng kích thước lãnh hải của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là 12 hải lý và điều này được áp dụng cho tất cả các lãnh thổ của phía Trung Quốc, bao gồm tất cả các quần đảo trên biển Nam Trung Hoa. Ngày 14/9 cùng năm đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng của phía nhà nước Việt Nam, trong bản công hàm gửi cho Thủ tướng

Chu Ân Lai, đã thành khẩn tuyên bố rằng Việt Nam “nhìn nhận và ủng hộ Bản Tuyên bố của Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong vấn đề lãnh hải”⁽¹⁾. Theo Báo Xinhua⁽²⁾ ngày 14-6-2011, dẫn theo Báo Quân Giải phóng nhật báo cho biết Chính phủ Trung Quốc phản đối nỗ lực quốc tế hóa vấn đề biển Đông. Trong bài báo này có đoạn viết: “Trong một tuyên bố chính thức vào năm 1958, chính phủ Trung Quốc đã tuyên bố rõ ràng các đảo ở biển Nam Trung Hoa như là một phần của lãnh thổ chủ quyền của Trung Quốc, và sau đó Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng cũng bày tỏ sự thỏa thuận”.

⁽¹⁾ Nguồn: www.fmprc.gov.cn, ngày 17/11/2000.

⁽²⁾ Nguồn:

http://linews.xinhuanet.com/english2010/indepth/2011-06/14/c_13929394.htm

* ĐT: 84-4-35650769.

E-mail: nbadien@yahoo.com

Trên các diễn đàn pháp lý và trong nhiều công trình nghiên cứu ở Việt Nam trong thời gian qua đã có một số luật gia phân tích về giá trị pháp lý của bức thư của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nêu trên cũng như phản bác lập luận của phía Trung Quốc. *Nhân sự kiện mới đây phía Trung Quốc nêu lại vấn đề này, chúng tôi trao đổi quan điểm về Bức thư ngày 14/9/1958 của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng và vấn đề chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa như sau:*

Trong bối cảnh của thời kỳ chiến tranh lạnh và thế giới phân chia thành hai phe: Tư bản chủ nghĩa (TBCN) và xã hội chủ nghĩa (XHCN), xảy ra cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan (Đài Loan lúc đó còn giữ hai đảo nằm giáp lục địa Trung Quốc là Kim Môn và Mã Tổ), hải quân Hoa Kỳ đến vùng eo biển Đài Loan, khiến Trung Quốc lo sợ rằng Mỹ có thể tấn công xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc. Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra Tuyên bố về lãnh hải ngày 4 tháng 9 năm 1958 với nội dung như sau:

(1) Chiều rộng lãnh hải của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là 12 hải lý. Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

(2) (3) ... (4) Điều (2) và (3) bên trên cũng áp dụng cho Đài Loan và các đảo phụ cận, quần đảo Bành Hồ... Đài Loan và Bành Hồ hiện còn bị cường chiếm bởi Hoa Kỳ. Đây là hành động bất hợp pháp vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đài Loan và Bành Hồ đang chờ được chiếm lại. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quyền dùng mọi biện pháp thích ứng để lấy lại các phần đất này trong tương lai. Các nước ngoài không nên xen vào các vấn đề nội bộ của Trung Quốc”.

Đáp lại tuyên bố này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi bức thư ngày 14/9/1958 cho Thủ tướng Chu Ân Lai, nguyên văn như sau: *“Thưa đồng chí Tổng lý. Chúng tôi xin trân trọng báo tin để đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trên mặt biển. Chúng tôi xin gửi đồng chí Tổng lý lời chào trân trọng”* [1].

Tại sao lại có bức thư này và với nội dung như trên? Hoàn cảnh ra đời và giá trị pháp lý của nó là gì? Để đánh giá một cách khách quan giá trị của bức thư này, chúng ta cần xem xét bối cảnh ra đời cũng như nội dung chính của văn bản này, và cần đặt nó dưới ánh sáng của luật pháp quốc tế.

Thứ nhất, về khía cạnh chính trị - ngoại giao, chúng ta cần xét đến bối cảnh thực tế của quan hệ quốc tế và quan hệ Việt - Trung tại thời điểm năm 1958 để hiểu cặn kẽ vì sao Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) lại có văn bản này - trong bối cảnh của thời kỳ Chiến tranh lạnh với sự va đập và đối kháng giữa hai lực lượng, hai hệ tư tưởng: phe TBCN (trung tâm là Hoa Kỳ) và phe XHCN (Liên Xô, Trung Quốc). Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, những phần tử điều hâu trong giới quân sự Hoa Kỳ vẫn chống Trung Quốc và đưa hạm đội vào hoạt động trong eo biển Đài Loan, đe dọa Trung Quốc. Vì vậy, Trung Quốc cũng đã trở thành đối tượng của chiến lược bành trướng của Hoa Kỳ ở châu Á nhất là từ khi quân Trung Quốc pháo kích liên tục Kim Môn và Mã Tổ. Theo Tập tài liệu Lầu năm góc - Airforce Magazin, trong “kế hoạch hành động đối với Việt Nam” viết ngày 24/5/1965, Mc Naughton đã lên danh sách mục tiêu của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam mà một trong bốn mục

tiêu đó là “đề bảo vệ Nam Việt Nam và cùng lân cận khỏi tay Trung Quốc”⁽³⁾.

Vào thời điểm đó, Việt Nam đã trở thành lực lượng xung kích trong tuyến đầu chống lại Hoa Kỳ và trở thành đồng minh chiến lược của Trung Quốc, “vừa là đồng chí vừa là anh em”, “anh em một nhà” (Trung - Việt nhất gia). Hơn nữa, lúc bấy giờ Hội nghị Gionevơ của Liên hợp quốc về Luật biển đã ban hành 04 Công ước, trong đó có Công ước về lãnh hải và vùng tiếp giáp năm 1958. Trung Quốc muốn thể hiện vị thế nhất định của mình trên trường quốc tế nên đã ban hành Tuyên bố ngày 4/9/1958 về lãnh hải. Do vậy, bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam, chắc chắn không định đề cập đến vấn đề pháp lý về chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, càng không có ý định từ bỏ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này, mà chỉ nhằm một điều duy nhất, đó là: thể hiện sự ủng hộ càng sớm càng tốt việc quy định lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc để cản tay đế quốc Mỹ. Đúng như luật gia Lưu Văn Lợi, Cựu Chánh văn phòng - Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao, Trưởng ban Biên giới thuộc Hội đồng Bộ trưởng (1978-1989) - đã nhận định: «*Nếu ai cho đó là sự công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Tây Sa và Nam Sa thì là đi quá nội dung và mục đích của Công hàm, đồng thời phủ nhận tình cảm thiêng liêng trong lòng người Việt Nam, người Trung Quốc lúc bấy giờ*»⁽⁴⁾. Phải đứng trên tinh thần đó và bối cảnh những năm 50-60 của thế kỷ trước để hiểu bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không phải là sự tuyên bố của VNDCCH từ bỏ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà chỉ phản ánh một sự thật trong giai đoạn tốt đẹp của tình hữu nghị Việt - Trung.

⁽³⁾<http://www.Airforce.magazin.com/magazin.archive/Pages/2007/February%202007/0207/Pentagiam.aspx>

⁽⁴⁾ Lưu Văn Lợi, Cuộc tranh chấp Việt-Trung về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.106.

Thứ hai, về mặt pháp lý, có học giả đã nêu thuyết estoppel (nguyên tắc) để khẳng định bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng là có sự ràng buộc đối với Việt Nam và Việt Nam bây giờ không có quyền nói ngược lại. Vậy thuyết estoppel là gì? Theo thuyết này, một quốc gia phải nhất quán trong ứng xử và không được bác bỏ một thực tế đã được chính quốc gia này thừa nhận trước đó. Mục tiêu chính của nguyên tắc này là không cho phép một quốc gia được hưởng lợi hoặc gây thiệt hại cho một quốc gia khác thông qua cách ứng xử không nhất quán của mình [2]. Theo phán quyết của Tòa công lý quốc tế giải quyết tranh chấp giữa Mỹ và Nicaragua trong vụ Những hoạt động quân sự và bán quân sự tại Nicaragua, thì: "*Estoppel có thể được suy diễn từ một thái độ, những lời tuyên bố của một quốc gia nhằm chấp nhận một tình trạng nào đó; thái độ hoặc lời tuyên bố không những phải được thực hiện một cách rõ ràng và liên tục, mà còn phải khiến cho một hoặc nhiều quốc gia khác dựa vào đó mà thay đổi hoạt động và phải chịu thiệt hại* [3]. Các luật gia đều cho rằng, ngầm công nhận trong một tình huống nhất định sẽ dẫn đến estoppel. Nếu quốc gia đã biết rõ về một sự việc cụ thể song vẫn giữ im lặng thì việc im lặng đó phải được giải thích là sự đồng ý, chấp nhận và sẽ không đưa đòi hỏi ngược lại. Các luật gia cũng khá thống nhất trong quan điểm gắn việc ngầm công nhận với estoppel khi giải quyết tranh chấp lãnh thổ và cho rằng trong tranh chấp lãnh thổ, việc ngầm công nhận sẽ đồng nghĩa với estoppel nếu: (i) Các bên tranh chấp lãnh thổ đều đưa ra các yêu sách trái ngược nhau; (ii) Các bên đều biết rõ các yêu sách của nhau; (iii) Một bên giữ im lặng hoặc không có ý kiến hay hành động gì trước yêu sách của đối phương và như vậy bị mất đi quyền của mình.

Như vậy, theo thuyết estoppel, thì phải hội đủ 04 điều kiện: (1) thái độ, lời tuyên bố của một quốc gia nhằm chấp nhận một tình trạng nào đó; (2) thái độ, lời tuyên bố đó phải được thể hiện rõ ràng; (3) thái độ, lời tuyên bố đó phải được thể hiện liên tục; (4) khiến cho một hoặc nhiều quốc gia khác dựa vào đó mà thay đổi hoạt động hoặc phải chịu thiệt hại. Áp dụng

những nội dung trên của nguyên tắc estoppel vào bức thư của Thủ tướng VNDCCH cho thấy thiếu tất cả các điều kiện nêu trên.

Theo điều kiện thứ nhất của nguyên tắc estoppel, thì bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không phải là tuyên bố của Việt Nam về từ bỏ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa vì các lẽ:

Một là, căn cứ Hiệp định Gionevơ 1954 và các điều khoản của Hội nghị Gionevơ 1954 về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Đông Dương, nước Việt Nam tạm chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến tạm thời, miền Nam Việt Nam do Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (VNCH-Nam Việt Nam) tiếp quản kể cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bản ghi nhớ ngày 4/3/1966 của Phòng Pháp lý Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ với tên gọi “Tính hợp pháp của sự tham gia của Mỹ vào phòng thủ Việt Nam” có viết: “Các thoả thuận Gionevơ năm 1954 quy định chia Việt Nam thành hai vùng bằng vĩ tuyến 17. Mặc dù ranh giới này được hiểu tạm thời, nó được ấn định bởi một thoả ước quốc tế, đặc biệt ngăn cấm sự xâm lược của một vùng này chống lại một vùng khác. Việt Nam Cộng hòa ở phía nam đã được công nhận như một thực thể quốc tế riêng biệt bởi gần 60 chính phủ trên thế giới. Việt Nam cộng hòa đã được chấp nhận là thành viên của nhiều tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc. Đại hội đồng Liên hợp quốc năm 1957 đã biểu quyết đề cử Nam Việt Nam là thành viên của tổ chức, và việc kết nạp chỉ bị ngăn cản bởi quyền phủ quyết (veto) của Liên bang Xô Viết trong Hội đồng bảo an” [4].

Như vậy, theo Hiệp định Gionevơ năm 1954, thì về phương diện Nhà nước, VNDCCH không có thẩm quyền để quyết định về vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lúc bấy giờ. Bởi vì, về vấn đề lãnh thổ, nguyên tắc chính của luật quốc tế là nguyên tắc thực sự. Bên liên quan “không thể chuyển dịch nhiều hơn các quyền mà họ có” [5]. VNDCCH (Bắc Việt Nam) không có các quyền quản lý thực sự các đảo này trong thời điểm đó để có thẩm quyền chuyển nhượng chúng cho Trung Quốc. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa

(VNCH-Nam Việt Nam) là người kế thừa hợp pháp các danh nghĩa, các quyền và các yêu sách do Pháp để lại trên các đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Với tư cách là chính quyền sở hữu danh nghĩa, VNCH đã tiến hành quản lý hành chính, điều tra và khai thác kinh tế và bảo vệ hữu hiệu hai quần đảo. Đối với Hoàng Sa, chính quyền VNCH đã tiến hành nhiều hoạt động như: cấp giấy phép khai thác phân chim trên ba đảo Quang Ảnh, Hữu Nhật và Trường Sa năm 1956, 1959, 1973; sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam tháng 7 năm 1961; tổ chức hải quân tuần tiểu thường xuyên tại các vùng biển quanh đảo, bắt xử lý các tàu cá có vũ trang của Trung Quốc xâm nhập trái phép. Chính phủ VNCH đã ban hành nhiều văn bản pháp lý khẳng định chủ quyền này, như: Tuyên bố 2289 ngày 4/6/1956 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao VNCH về các đảo Hoàng Sa, Trường Sa đều là của Việt Nam; Sắc lệnh số 143-NV ngày 22/10/1956 của Tổng thống VNCH về địa phận hành chính của Nam Việt Nam, theo đó Hoàng Sa cùng với Bà Rịa và Vũng Tàu được sáp nhập thành tỉnh Phước Tuy; Nghị định 24/BNV của Bộ Nội vụ về việc cử ông Nguyễn Bá Thước đảm nhận chức vụ Phó viên hành chính tại Hoàng Sa ngày 14/12/1960; Sắc lệnh số 174-NV về sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam ngày 13/7/1961 của Tổng thống VNCH; Công hàm số 120 ngày 21/1/1974 của Chủ tịch Thượng nghị viện VNCH, Trần Văn Lắm gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc nhân sự kiện Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam...). Trong thực tế, việc Trung Quốc chiếm đóng một phần của quần đảo này trong thời kỳ này (nhóm đảo An Vĩnh, năm 1956) là hoàn toàn bất hợp pháp.

Về vấn đề này, luật gia Monique Chemillier - Gendreau - một trong những học giả hàng đầu về Luật quốc tế đã viết như sau: “Trong những điều kiện này, những lời tuyên bố hoặc lập trường nào đó của chính quyền miền Bắc Việt Nam (VNDCCH) không có hiệu lực gì đối với chủ quyền. Đây không phải là chính quyền có thẩm quyền trên các quần đảo này. Người ta không thể từ bỏ cái mà người ta không có quyền lực...” [6].

Hai là, theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật quốc tế, Thủ tướng VNDCCH không có thẩm quyền thay mặt quốc gia để quyết định vấn đề liên quan đến lãnh thổ của đất nước với nước ngoài. Bởi theo Điều 32 Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ngày 09/11/1946, các vấn đề liên quan đến vận mệnh của đất nước sẽ được quyết định bằng trưng cầu dân ý với điều kiện 2/3 tổng số nghị viên (đại biểu quốc hội) đồng ý và cách thức phúc quyết sẽ do luật định.

Theo điều kiện thứ hai của nguyên tắc estoppel, về tính “rõ ràng” của Bức thư thì cũng không đáp ứng như yêu cầu của nguyên tắc estoppel. Nội dung bức thư chỉ đề cập việc “*ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc*” và “*tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc*”, không một từ nào đề cập quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa chứ nói gì đến việc tuyên bố từ bỏ chủ quyền của Việt Nam và công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này. Ngay cả trong Tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của Trung Quốc cũng thể hiện sự mập mờ trong việc đề cập đến chủ quyền đích thực của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, vì ở điểm (4) của Tuyên bố này chỉ nói đến chiếm lại Đài Loan và Bành Hồ hiện còn bị cưỡng chiếm bởi Hoa Kỳ mà không hề đề cập đến việc chiếm lại Tây Sa và Nam Sa (?!).

Theo điều kiện thứ ba của nguyên tắc estoppel, về tính “liên tục” của Bức thư cũng không được đáp ứng. Không có bất kỳ minh chứng nào về việc sau bức thư của Thủ tướng VNDCCH năm 1958 thì Quốc hội VNDCCH hoặc cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ VNCH “tiếp tục” thể hiện quan điểm từ bỏ chủ quyền.

Theo điều kiện thứ tư của nguyên tắc estoppel, thì bức thư của Thủ tướng VNDCCH không hề gây thiệt hại gì cho phía Trung Quốc. Trung Quốc không hề bị thiệt hại mà còn được hưởng lợi, còn Việt Nam thì không những

không có được lợi ích gì mà trái lại còn rơi vào thế bất lợi: nguy cơ bị mất chủ quyền lãnh thổ.

Do đó, xét một các khách quan và toàn diện, dựa trên những căn cứ pháp lý, lịch sử và chính trị, thì Bức thư ngày 14 tháng 9 năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ có mục đích nhằm ủng hộ Trung Quốc chống lại chính sách bao vây trên biển của Mỹ trong eo biển Đài Loan, đe dọa tới nền an ninh quốc gia của Trung Quốc vào thời kỳ đó, hoàn toàn không chứa đựng bất kỳ sự từ bỏ nào chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc. Nội dung bức thư là một sự cam kết mang tính ngoại giao, một hình thức thường được các nước xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ sử dụng để thể hiện sự đoàn kết về mặt tư tưởng với nhau. Từ năm 1945 đến nay, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt và hiện nay là Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam chưa bao giờ tuyên bố hoặc ra nghị quyết từ bỏ chủ quyền của Việt Nam cũng như công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Trái lại, các chính quyền của Việt Nam từ trước đến nay đều nhất quán thể hiện lập trường khẳng định chủ quyền của Việt Nam cũng như thực hiện việc quản lý liên tục đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ căn cứ khoa học, lịch sử và pháp lý chứng minh chủ quyền không thể tranh cãi của mình đối với hai quần đảo này.

Như vậy, lập luận của phía Trung Quốc là không có căn cứ và giá trị pháp lý, trái với luật pháp quốc tế và quan hệ quốc tế cũng như thực tiễn quan hệ Việt - Trung vào thời điểm đó. Những ai đó mưu toan dùng nội dung bức thư của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng để biện minh cho ý đồ xâm chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam sẽ bị phá sản dưới ánh sáng của luật pháp và công luận quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lưu Văn Lợi, “*Cuộc tranh chấp Việt - Trung về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*”, NXB Công an Nhân dân, 1995.
- [2] Phán quyết của Tòa công lý quốc tế ngày 20/2/1969, *Tuyển tập các phán quyết của Tòa công lý quốc tế*, 1969, tr. 26).
- [3] *Tuyển tập các phán quyết của Tòa công lý quốc tế*, 1984, tr. 414.
- [4] J.N. Moore, “Tính hợp pháp của việc trợ giúp quân sự cho Việt Nam cộng hoà”, *Tạp chí Pháp luật quốc tế Mỹ*, tập 61 (1967) .
- [5] Theo Phán quyết về Vụ tranh chấp đảo Palmas, *Phán quyết trọng tài của M. Huber. C.P.A.*, ngày 4/4/1928, RSA,II, tr. 839.
- [6] Monique Chemillier-Gendreau: “*Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

Regarding the letter of the late Prime Minister Pham Van Dong, 14 September 1958 and the issue of sovereignty over the two islands Paracels and Spratlys of Vietnam

Nguyen Ba Dien

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam

Based on historical relationships Vietnam - China and the basic principles of international Law, specially Estoppel principle , this article gives the scientific arguments to refute the arguments of China, said that the letter on September 14 in 1958 by the late Prime Minister Pham Van Dong of Vietnam is not a renunciation of the sovereignty of Vietnam for two islands Paracels and Spratlys, but purely to express the solidarity and friendship Nations with Chinese people at that historical time: The United States threatened to attack China in the Taiwan Strait and strategic allied relation of Vietnam and China. Hence, taking advantage of the letter of late Prime Minister Pham Van Dong to plead for ambitions of foreign ownership for both the Paracels and Spratlys will fail completely in the light of law and international public opinion.